TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/7/2025.
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa***: Không.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 202 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là ấp H, phường V, tỉnh An Giang) (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là ấp H, phường V, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Năm 2012 chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chị và anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì chị và anh K bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mà chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh K thường xuyên cự cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng không giải quyết được, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi. Do cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho nhau nên chị L làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- *Về con chung*: Chị L khai rằng chị và anh K có 02 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 2012 và Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2020, hiện cả 02 người con chung đang do chị L nuôi dưỡng. Ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 người con chung cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L xác định trong quá trình chung sống với nhau, chị và anh K không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Văn K:***

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn K đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Nguyễn Văn K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn

Văn K. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn K cư trú tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là ấp H, phường V, tỉnh An Giang) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự HĐXX có cơ sở xác định: Vào năm 2012, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chị L và anh K có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2022. Như vậy, hôn nhân giữa chị L với anh K là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Sau thời gian về chung sống với nhau thì giữa chị L và anh K có phát sinh mâu thuẫn, mà theo chị L trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh K thường xuyên cự cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng không giải quyết được, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi. Vì vậy chị L cương quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh K các thông báo mở phiên họp, tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nhưng anh K vẫn mặt không có lý do. Điều này cho thấy anh K cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị L. Từ đó thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị L với anh K đã lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX thống nhất chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị L xác định trong quá trình chung sống với nhau chị và anh Nguyễn Văn K có 02 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 2012 và Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2020.

Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; từ khi chị L và anh K sống ly thân với nhau thì cả 02 người con chung đều được chị L nuôi dưỡng; Hơn nữa theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn H là muốn tiếp tục được sống cùng với mẹ; thấy rằng các con đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường và để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý ở trẻ nên tiếp tục giao các con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, HĐXX thống nhất tiếp tục giao 02 người con chung là Nguyễn Văn H và Nguyễn Ngọc H1 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị L trình bày chị có đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị L xác định chị và anh K không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2/ Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 2012 và Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2020 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị L nuôi con; anh K được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009883 ngày 07/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - An Giang). Như vậy, chị L không phải nộp thêm, anh K không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 4 - An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Điệp